

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 221/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Trần Thị Vân Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 902/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Tiến Th., sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Thanh Đ., sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Tại phiên tòa, ông Ngô Tiến Th. vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Ngô Thị Thanh Đ. vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

❖ Tại Đơn khởi kiện ngày 07/10/2020, bản tự khai và tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn ông Ngô Tiến Th. trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Tiến Th. và Ngô Thị Thanh Đ. tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2005, quyền số 01/PZ, ngày 17/6/2005.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó đến năm 2018 thì cả hai sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Và đến cuối năm 2019 thì bà Đ. dọn đồ, bỏ nhà đi đến nay. Ông Th. đã cố gắng khuyên nhủ và hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Ngô Tiến Th. yêu cầu được ly hôn với Bà Ngô Thị Thanh Đ..

+ Về con chung: Ông Ngô Tiến Th. xác nhận ông và bà Ngô Thị Thanh Đ. có 02 (hai) con chung là trẻ Ngô Thị Trà M., sinh ngày 24/7/2006 và Ngô Cao Thành T., sinh ngày 04/9/2008. Hiện cả hai trẻ đang do ông Ngô Tiến Th. trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Ông Ngô Tiến Th. yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là trẻ Ngô Thị Trà M., sinh ngày 24/7/2006 và Ngô Cao Thành T., sinh ngày 04/9/2008. Ông Ngô Tiến Th. không yêu cầu bà Ngô Thị Thanh Đ. cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Ông Ngô Tiến Th. xác nhận ông và bà Ngô Thị Thanh Đ. không có tài sản chung.

+ Về các vấn đề khác: Ông Ngô Tiến Th. xác nhận ông và bà Ngô Thị Thanh Đ. không có nợ chung.

❖ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Thanh Đ. dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các Giấy triệu tập đương sự nhưng bà Ngô Thị Thanh Đ. không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến cũng như vắng mặt tại tất cả các lần triệu tập của Tòa án mà không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn ông Ngô Tiến Th. có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Ngô Thị Thanh Đ. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Tiến Th.. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Tiến Th. được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh Đ.. Về con chung: Ông Ngô Tiến Th. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là trẻ Ngô Thị Trà M., sinh ngày 24/7/2006 và Ngô Cao Thành T., sinh ngày 04/9/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Ngô Thị Thanh Đ. do ông Ngô Tiến Th. không yêu cầu. Về tài sản chung: Ông Th. khai ông và bà Đ. không có tài sản chung nên không xét. Về nợ chung: Ông Th. khai ông và bà Đ. không có nợ chung nên không xét. Về các vấn đề khác: Giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn bà Ngô Thị Thanh Đ. trong vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 69/2005, quyền số 01/PZ, ngày 17/6/2005 của Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, thì quan hệ giữa ông Ngô Tiến Th. và bà Ngô Thị Thanh Đ. là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận. Căn cứ Đơn khởi kiện, đây là “Tranh chấp ly hôn”, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ xác minh của Công an phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/11/2020 thì: bà Ngô Thị Thanh Đ., sinh năm 1974 có hộ khẩu thường trú tại số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện không thực tế cư trú tại địa phương từ tháng 10/2019 đến nay. Do bị đơn bà Ngô Thị Thanh Đ. có nơi cư trú cuối cùng tại phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Ngô Tiến Th. vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Tiến Th..

Bị đơn – bà Ngô Thị Thanh Đ. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị Thanh Đ. vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị Thanh Đ..

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, Đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn; Kết quả xác minh nơi cư trú của Công an phường Z, quận Tân Phú; Công văn trả lời của Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Z, quận Tân Phú về mâu thuẫn giữa các đương sự tại địa phương; Bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Ngô Tiến Th.: Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Ngô Tiến Th. và bà Ngô Thị Thanh Đ. thực tế đã có mâu thuẫn về tính cách, lối sống, về cách chăm sóc con cái; về vấn đề kinh tế và chi tiêu cho gia đình, bản thân; về sự tôn trọng và chia sẻ giữa vợ chồng nên mâu thuẫn giữa ông Th. và bà Đ. ngày càng trầm trọng. Ông Th. và bà Đ. từng xảy ra mâu thuẫn làm mất trật tự tại địa phương, có công an khu vực xuống xử lý và lập biên bản. Hiện nay, cả hai không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, khiến cho tình cảm vợ chồng giữa ông Th. và bà Đ. ngày càng lạnh nhạt.

Từ tháng 10 năm 2019 đến nay thì bà Đ. bỏ nhà đi, không rõ ở đâu. Từ đó cho đến nay, bà Đ. không về nhà và không thể hiện sự cố gắng hòa giải để đoàn tụ gia đình dù ông Th. đã nhiều lần khuyên nhủ. Và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng bà Ngô Thị Thanh Đ. vẫn không có mặt và không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án. Tất cả những việc này thể hiện bị đơn bà Ngô Thị Thanh Đ. đã không còn thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Tiến Th. được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh Đ..

[2.2] Về con chung:

Ông Ngô Tiến Th. xác nhận ông và bà Ngô Thị Thanh Đ. có 02 (hai) con chung là trẻ Ngô Thị Trà M., sinh ngày 24/7/2006 và Ngô Cao Thành T., sinh ngày 04/9/2008. Hiện cả 02 (hai) trẻ Ngô Thị Trà M., sinh ngày 24/7/2006 và trẻ Ngô Cao Thành T., sinh ngày 04/9/2008 đang do ông Ngô Tiến Th. trực tiếp nuôi

dưỡng. Hai trẻ đang đi học tại trường Phan Bội Châu và Lê Văn Tám thuộc phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của 02 (hai) trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Ngô Tiến Th. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là trẻ Ngô Thị Trà M., sinh ngày 24/7/2006 và Ngô Cao Thành T., sinh ngày 04/9/2008 là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Ngô Tiến Th. không yêu cầu bà Ngô Thị Thanh Đ. cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Ngô Thị Thanh Đ..

[2.4] Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

Ông Ngô Tiến Th. và bà Ngô Thị Thanh Đ. có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung: Ông Ngô Tiến Th. khai ông và bà Đ. không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Về nợ chung: Ông Ngô Tiến Th. xác nhận ông và bà Đ. không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về các vấn đề khác: Hội đồng xét xử xét thấy cần giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn bà Ngô Thị Thanh Đ. trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm do ông Ngô Tiến Th. phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Tiến Th..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Tiến Th. được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh Đ..

Quan hệ hôn nhân của ông Ngô Tiến Th. và bà Ngô Thị Thanh Đ., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 69/2005, quyển số 01/PZ, ngày 17/6/2005 của Ủy ban nhân dân phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Ông Ngô Tiến Th. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là trẻ Ngô Thị Trà M., sinh ngày 24/7/2006 và Ngô Cao Thành T., sinh ngày 04/9/2008.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Ngô Thị Thanh Đ. do ông Ngô Tiến Th. không yêu cầu.

[5] Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Ngô Tiến Th. xác nhận ông và bà Ngô Thị Thanh Đ. không có tài sản chung.

[7] Về nợ chung: Ông Ngô Tiến Th. xác nhận bà và bà Ngô Thị Thanh Đ. không có nợ chung.

[8] Về các vấn đề khác: Giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn bà Ngô Thị Thanh Đ. trong vụ án dân sự khác.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Ngô Tiến Th. phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0071168 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ngô Tiến Th. đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lâm Đức Tài